

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/KDTM-PT

Ngày: 08/01/2020

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Minh Tuấn;

Các Thẩm phán

Bà Đào Thị Minh Thùy;

Ông Phùng Hải Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vĩnh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 08 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 24/2019/KDTM-PT ngày 14 tháng 6 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại số 32/2018/KDTM-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11691/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Posco VST; địa chỉ: Đường 319B, khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Ju Hyeob là Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Jeong Dae-Jung; có mặt tại phiên tòa.

Người phiên dịch: Ông Kang Yoo Bin, có số hộ chiếu M04728532 bộ Ngoại giao Hàn Quốc cấp 31/3/2016; có mặt tại phiên tòa.



Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Luật sư Lưu Tiến Dũng và Luật sư Trịnh Ngọc Anh Phương - Công ty luật TNHH YKVN, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

Luật sư Phạm Trung Hiếu - Công ty luật TNHH Nam Dương, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần tập đoàn Thành Nam; địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà FLC Landmark Tower, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hùng Cường là Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn Thành Nam; có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị Yến sinh năm 1986 và bà Ninh Thị Thương sinh năm 1992, đều là nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn Thành Nam (Văn bản ủy quyền số 019/GUQ-TNG ngày 07/01/2010 của ông Nguyễn Hùng Cường là Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn Thành Nam); có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Đào Ngọc Lý - Công ty Luật TNHH Đào Ngọc Lý, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo pháp luật, những người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là Công ty cổ phần tập đoàn Thành Nam đều có mặt tại phiên tòa. Sau khi kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, người đại diện theo pháp luật, những người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là Công ty cổ phần tập đoàn Thành Nam đều tự ý rời khỏi phòng xử án, không tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2016 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn (do người đại diện hợp pháp) trình bày:

Công ty TNHH Posco VST (sau đây viết tắt là Posco VST) và Công ty cổ phần tập đoàn Thành Nam (sau đây viết tắt là Công ty Thành Nam) ký với nhau nhiều hợp đồng mua bán hàng hóa trong thời gian từ năm 2006 đến năm 2013. Posco VST là nhà cung cấp thép không gỉ cho Công ty Thành Nam.

Từ năm 2010 đến năm 2013, Posco VST đã ký rất nhiều hợp đồng mua bán hàng hóa nhằm cung cấp thép không gỉ cho Công ty Thành Nam với số lượng rất lớn lên đến hàng ngàn tỷ đồng. Quy trình thực hiện hợp đồng như sau:

Thanh toán tiền đặt cọc: Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty Thành Nam thanh toán tiền đặt cọc tương đương 10% giá trị hợp đồng cho Posco VST.

Sản xuất hàng hóa: Nếu hàng không có sẵn trong kho, Posco VST sản xuất hàng hóa theo đúng yêu cầu của Công ty Thành Nam và sau đó thông báo cụ thể cho Công ty Thành Nam về khối lượng và chi tiết hàng đã sản xuất xong.

Xuất hóa đơn VAT: Căn cứ vào hàng có sẵn hoặc hàng đã được sản xuất hoặc trước khi Công ty Thành Nam lấy hàng theo từng đợt dựa trên nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty Thành Nam, Posco VST xuất hóa đơn VAT cho Công ty Thành Nam. Việc xuất hóa đơn VAT là đối với một hoặc một vài cuộn hàng đủ cho một chuyến xe chuyên chở.

Mở thư bảo lãnh và giao hàng: Theo hợp đồng, sau khi gửi yêu cầu lấy hàng, ngân hàng của Công ty Thành Nam mở thư bảo lãnh theo yêu cầu lấy hàng của Công ty Thành Nam đã gửi Posco VST. Các thư bảo lãnh này có hiệu lực trong vòng 30 - 35 ngày kể từ ngày giao hàng hoặc ngày mở thư bảo lãnh cho số hàng hóa dự định sẽ lấy từ Posco VST và sẽ không được ngân hàng gia hạn bởi bất kỳ lý do nào. Sau đó, Posco VST giao hàng cho Công ty Thành Nam.

Tuy nhiên, trên thực tế do tin tưởng và dựa vào thông lệ làm ăn với các đối tác của Việt Nam, trong đó có Công ty Thành Nam, đặc biệt là vào các năm 2010 - 2013, trong rất nhiều trường hợp không có thư bảo lãnh hoặc thư bảo lãnh đã hết hạn (mà không được gia hạn hoặc không có thư bảo lãnh mới) Posco VST đã giao hàng cho Công ty Thành Nam. Biên bản xác nhận công nợ ngày 07/9/2013 do người đại diện theo pháp luật của bị đơn ký chứng minh có việc chưa thanh toán tiền hàng do bảo lãnh không còn giá trị.

Ngoài ra, việc giao hàng được thực hiện trước khi thanh toán cũng được chứng minh thông qua các bộ chứng từ liên quan đến việc thực hiện hàng loạt hợp đồng (Để minh họa, Posco VST xuất trình 05 bộ tài liệu của 05 hợp đồng gồm (i) hóa đơn; (ii) phiếu xuất kho và (iii) giấy báo có). Theo đó, chứng minh rõ rằng việc giao hàng được thực hiện khi không có bảo lãnh, hoặc bảo lãnh đã hết hiệu lực và việc thanh toán do Công ty Thành Nam thực hiện sau khi nhận được hàng (hoặc chưa thực hiện việc thanh toán nhưng hàng đã nhận). Các tài liệu này cho thấy: (a) Hóa đơn được Posco VST xuất cho Công ty Thành Nam, trên đó ghi rõ thời gian xuất hóa đơn và số hợp đồng; (b) Phiếu xuất kho có xác nhận của đại diện Công ty Thành Nam, trên đó ghi rõ thời gian giao hàng và số hợp đồng của từng lô hàng; và (c) Giấy báo có ghi nhận việc Công ty Thành Nam đã thanh toán tiền hàng đã nhận cho Posco VST, trên đó ghi rõ việc thanh toán cho hóa đơn nào. Nghĩa là, giấy báo có nêu việc thanh toán cho hóa đơn nào mà hóa đơn thì viện dẫn đến số hợp đồng, còn phiếu xuất kho thì viện dẫn

đến số hợp đồng. Như vậy, kết nối ba chứng từ nêu trên xác định được ngày thanh toán là sau ngày giao hàng.

Thanh toán tiền hàng: Trong trường hợp có thư bảo lãnh, Ngân hàng phát hành thư bảo lãnh thực hiện việc thanh toán tiền hàng cho Posco VST. Trong trường hợp giao hàng không có bảo lãnh hoặc bảo lãnh đã quá hạn thì Công ty Thành Nam thực hiện việc thanh toán. Việc thanh toán tiền hàng là thanh toán gộp đối với một số lượng hàng hóa mà Công ty Thành Nam đã nhận chứ không phải là thanh toán theo từng lô hàng, chuyển hàng cụ thể đã nhận, cho từng hợp đồng nào hay theo từng hóa đơn VAT. Nội dung thanh toán tiền hàng ở các giấy báo có Posco VST đã nộp tại Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm và có trong hồ sơ vụ án thể hiện điều này. Sau một thời gian giao, nhận hàng hai bên xác nhận, chốt nợ với nhau.

Trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2013, do gặp khó khăn về tài chính và hoạt động kinh doanh, nhiều lần hàng hóa đã sản xuất cho Công ty Thành Nam nhưng Công ty Thành Nam chưa thể nhận trong thời hạn có hiệu lực của thư bảo lãnh, hoặc Công ty Thành Nam không thể cung cấp thư bảo lãnh, Công ty Thành Nam đã yêu cầu Posco VST vẫn tiếp tục giao hàng cho Công ty Thành Nam và sẽ thanh toán sau khi nhận hàng. Do làm ăn với nhau một khoảng thời gian dài với khối lượng giao dịch rất lớn và tin tưởng nhau, Posco VST đồng ý với đề nghị trên của Công ty Thành Nam.

Theo các Hợp đồng mua bán hàng hóa thì hai bên thỏa thuận về việc Posco VST đồng ý bán và Công ty Thành Nam đồng ý mua một lượng hàng hóa theo thể hiện tại từng hợp đồng độc lập; Bên bán có trách nhiệm giao hàng theo hợp đồng mua bán còn việc thanh toán tiền hàng và số tiền phải thanh toán của bên mua được hai bên đối chiếu tại một thời điểm do hai bên thỏa thuận (thanh toán theo số lượng hàng thực tế đã giao). Quá trình mua bán, bên bán đã giao hàng đầy đủ cho bên mua, tuy nhiên bên mua chưa thanh toán hết tiền hàng cho bên bán nên Posco VST khởi kiện đòi Công ty Thành Nam thanh toán số tiền hàng còn nợ là 58.066.571.730 đồng.

Căn cứ để Nguyên đơn khởi kiện là các lần Công ty Thành Nam thừa nhận nợ, chốt nợ với Posco VST, cụ thể:

- Lần 1: Thư xác nhận công nợ ngày 09/01/2013. Theo đó, Công ty Thành Nam đã xác nhận với Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, công ty kiểm toán của Posco VST, rằng đến ngày 31/12/2012 Công ty Thành Nam còn nợ Posco VST 181.125.901.350 đồng.

- Lần 2: Biên bản đối chiếu công nợ ngày 03/6/2013. Theo đó, Công ty Thành Nam xác nhận trong giai đoạn từ ngày 01/5/2013 đến ngày 31/5/2013 Công ty Thành Nam còn nợ Posco VST 188.906.082.332 đồng.

- Lần 3: Biên bản đối chiếu công nợ ngày 04/7/2013. Theo đó, Công ty Thành Nam xác nhận trong giai đoạn từ ngày 01/6/2013 đến ngày 30/6/2013 Công ty Thành Nam còn nợ nguyên đơn 182.099.517.014 đồng.

Ngày 26/8/2013, Posco VST đã gửi công văn yêu cầu Công ty Thành Nam gửi chi tiết kế hoạch thanh toán trong tháng 8/2013 khoản tiền hàng là 58.054.920.846 VNĐ đối với các lô hàng đã nhận nhưng bảo lãnh quá hạn và cam kết số tiền này sẽ được thanh toán vào tháng 9/2013.

- Lần 4: Tại Biên bản xác nhận công nợ ngày 07/9/2013, dựa vào hồ sơ, sổ sách và sổ liệu theo dõi của Công ty Thành Nam, ông Nguyễn Hùng Cường - Tổng Giám đốc Thành Nam đã xác nhận: (i) số dư nợ phải trả cho "hàng đã lấy và hàng chưa lấy"; (ii) giá trị "tổng cộng số hàng chưa lấy tại Posco"; và (iii) nợ đối với hàng hóa mà Thành Nam đã nhận mà bảo lãnh đã quá hạn là 54.975.895.899 VNĐ và đề nghị Posco VST xác nhận số nợ nêu trên.

Số dư cuối kỳ phải trả cho hàng đã lấy và chưa lấy đến ngày 6/9/2013 là:	166.504.810.350
Tổng cộng số hàng chưa lấy tại Posco đến ngày 6/9/2013:	109.578.513.194
Hàng đã làm bảo lãnh thanh toán nhưng Posco giao thiếu:	935.602.400
Số hàng Posco đã xuất hóa đơn nhưng bị mất (đã bao gồm VAT):	1.014.798.857
Công nợ Thành Nam phải trả cho Posco cho bảo lãnh quá hạn:	54.975.895.899

Không đồng ý với số nợ 54.975.895.899 đồng nêu trên, Posco VST đề nghị mỗi bên chuẩn bị các số liệu, sổ sách theo dõi của mình để họp và đối chiếu, chốt công nợ.

- Lần 5: Biên bản làm việc ngày 27/11/2013, đại diện Công ty Thành Nam và Posco VST dựa vào các số liệu, hồ sơ sổ sách của mình để xác nhận: (i) giá trị "hàng Thành Nam còn gửi tại kho Posco VST"; và (ii) tổng số tiền Thành Nam còn phải trả theo hàng thực tế đã giao cho Posco VST. Theo đó, tổng số dư nợ đối với hàng đã giao cho Thành Nam (sau khi lấy tổng số dư nợ nêu trên trừ đi giá trị hàng chưa giao) theo số liệu của mỗi bên cũng chỉ chênh nhau 1.646.086 đồng (số dư nợ này theo số liệu của Posco VST là 58.066.571.730 đồng và theo số liệu của Thành Nam là 58.064.925.644 đồng - ít hơn 1.646.086 đồng). Số liệu của hai bên trùng khớp nhau về giá trị số lượng hàng Công ty Thành Nam chưa nhận được từ Posco VST cũng như số lượng hàng hóa đã nhận được từ Posco VST. Theo số liệu của Công ty Thành Nam thì số tiền Công ty Thành Nam còn phải trả cho Posco VST là 58.064.925.644 đồng. 

- Lần 6: Biên bản đối chiếu công nợ ngày 27/11/2013, Posco VST và Công ty Thành Nam thống nhất xác nhận: (i) giá trị “hàng Thành Nam còn gửi tại kho Công ty Posco VST”; và (ii) tổng số tiền Thành Nam còn phải trả theo hàng thực tế đã giao là 58.066.571.730 đồng. Tại Biên bản đối chiếu công nợ này, hai bên cũng xác nhận nếu sau này có phát hiện sai sót mà cả hai bên đều xác nhận là đúng có sai sót đó thì sẽ điều chỉnh lại số liệu đã chốt nợ.

Lần 7: Công văn 940/KTTC-TN ngày 11/12/2013, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm người đại diện theo pháp luật của Thành Nam khẳng định rõ: “Sau khi đối chiếu công nợ giữa Công ty Thành Nam và Posco VST ngày 27/11/2013... thì Công ty Thành Nam phải thanh toán cho Posco VST cho số hàng đã lấy đến thời điểm hiện tại là 58.066.571.730 đồng” và đề xuất kế hoạch thanh toán cụ thể cho số nợ nêu trên”.

- Lần 8: Công văn số 0014/KTTC-TN ngày 11/02/2014, Công ty Thành Nam xin gia hạn kế hoạch thanh toán cho khoản tiền 10.000.000.000 đồng mà Thành Nam đã cam kết tại Công văn 940 nêu trên là sẽ thanh toán trong Quý I/2014.

- Lần 9: Công văn số 0205 ngày 28/4/2014 của Công ty Thành Nam. Theo đó, Công ty Thành Nam đề nghị Posco VST cân nhắc phương án xử lý khoản nợ của Công ty Thành Nam đối với Posco VST thông qua việc Posco VST tham gia đầu tư vào Doanh nghiệp Thép - Inox tại Hưng Yên.

- Lần 10: Công văn số 151/KTTC-TN ngày 03/9/2015 của Công ty Thành Nam. Theo đó, Công ty Thành Nam “không phủ nhận công nợ của Thành Nam Group với Posco VST và sẽ hoàn toàn thiện chí thanh toán cho Quý công ty sau khi hai bên cùng đối chiếu để xác định công nợ chính xác theo từng hợp đồng kinh tế”.

- Lần 11: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm 2015 lập ngày 31/3/2016 của Công ty Thành Nam. Theo đó, tại Mục 14 trang 23 của nó ghi rõ: “Các khoản phải trả người bán ngắn hạn: Posco VST Co., Ltd: 58.199.872.598 đồng”. Báo cáo tài chính này đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cung cấp cho Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm theo Công văn số 4612/UBCK-TT ngày 14/7/2016. Ngoài ra, Báo cáo tài chính này cũng được công bố công khai trên trang điện tử của Công ty Thành Nam do Công ty Thành Nam là công ty đại chúng theo Quyết định niêm yết số 165/QĐ-SGDHCM ngày 22/5/2017 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Lần 12: Tại Biên bản hoà giải ngày 19/7/2016 tại Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Thành Nam thừa nhận: “Thực tế quan hệ mua bán giữa hai bên từ những năm trước rất thuận lợi nên nguyên đơn (Posco VST) đã cho bị đơn (Công ty Thành Nam) nợ một khoản tiền hàng.”

Các lần xác nhận, đối chiếu công nợ từ lần 1 cho đến lần chốt nợ cuối cùng (lần 6) vào ngày 27/11/2013 hai bên đều không có tranh chấp đối với tổng số tiền hàng (đã nhận và chưa nhận) căn cứ vào các hóa đơn đã xuất cho bị đơn.

Quá trình và cách thức đối chiếu công nợ được thực hiện như sau: Mỗi bên tự xác định tổng số tiền hàng theo hóa đơn VAT đã xuất cho Công ty Thành Nam; Mỗi bên tự xác định số dư nợ (đối với hàng đã nhận và chưa nhận từ Posco VST) bằng cách lấy tổng số tiền hàng theo hóa đơn VAT trừ đi số tiền Công ty Thành Nam đã thanh toán; Mỗi bên tự xác định số lượng hàng hóa Công ty Thành Nam chưa lấy (Posco VST chưa giao) và giá trị số hàng chưa lấy/chưa giao; Hai bên cùng đối chiếu các số liệu nêu trên để chốt giá trị số hàng đã nhận mà Công ty Thành Nam còn nợ bằng cách lấy tổng số dư nợ (đối với hàng đã nhận và chưa nhận từ Posco VST) trừ đi giá trị số hàng chưa lấy/chưa giao; Công ty Thành Nam xuất hóa đơn VAT ngược lại cho Posco VST đối với số hàng chưa nhận.

Trong giai đoạn từ tháng 11/2013 đến tháng 12/2013, đối với số hàng hóa chưa giao/nhận giữa Posco VST và Công ty Thành Nam mà Công ty Thành Nam không muốn nhận, Công ty Thành Nam đã xuất 05 hóa đơn VAT trả lại hàng, kèm theo Biên bản trả lại hàng và Bảng kê chi tiết trả lại hàng cho Posco VST với tổng giá trị là 108.306.882.314 VNĐ.

Căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 27/11/2013 giữa Posco VST và Công ty Thành Nam; đại diện cho Posco VST là ông Trương Quang Hùng và đại diện Công ty Thành Nam là bà Đỗ Thị Thanh Hương (chức vụ kế toán trưởng). Theo biên bản này thì hai bên xác nhận tính đến thời điểm 28/11/2013, Công ty Thành Nam còn nợ Posco VST như sau:

- Nợ phải trả theo hóa đơn bán hàng: 166.506.456.436 đồng;
- Hàng của Công ty Thành Nam còn gửi tại kho của Posco VST: 108.439.884.706 đồng;
- Tổng số tiền Công ty Thành Nam còn phải trả theo hàng thực tế đã giao: 58.066.571.730 đồng.

Ngày 11/12/2013, Công ty Thành Nam có Công văn số 940/KTTC-TN do ông Nguyễn Hùng Cường là người đại diện theo pháp luật của Công ty gửi cho Posco VST xác nhận Công ty Thành Nam phải thanh toán cho Posco VST số tiền hàng tính đến thời điểm hai bên xác nhận công nợ ngày 28/11/2013 là 58.066.571.730 đồng. Như vậy, Công ty Thành Nam đã xác nhận khoản nợ và công nhận tính pháp lý của biên bản đối chiếu công nợ ngày 27/11/2013 giữa hai bên. Cũng tại công văn này, phía Công ty Thành Nam đã có lộ trình thanh toán cụ thể đối với khoản nợ nhưng trên thực tế chưa thanh toán cho Posco VST.

Số tiền Công ty Thành Nam nợ Posco VST là tiền mua hàng còn nợ xuất phát từ rất nhiều các Hợp đồng mua bán giữa hai bên. Tại các Hợp đồng mua bán hàng hóa đều thể hiện rõ số lượng hàng hóa mà Công ty Thành Nam mua, giá cả và thời hạn thanh toán. Giữa hai bên chưa làm thủ tục thanh lý các hợp đồng này vì bên mua vẫn còn nợ tiền hàng. Ngoài việc Công ty Thành Nam vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền theo Hợp đồng thì giữa hai bên không tranh chấp gì đối với các điều khoản khác tại Hợp đồng mua bán đã ký kết. Vì vậy, Posco VST khẳng định không khởi kiện các Hợp đồng kinh tế (Hợp đồng mua bán) mà chỉ khởi kiện đòi nợ tiền hàng từ các Hợp đồng mua bán đã được hai bên đối chiếu với nhau bằng biên bản, không xác định được cụ thể hợp đồng nào.

Việc Posco VST xuất trình các Hợp đồng và một số chứng từ kèm theo để chứng minh mối quan hệ mua bán hàng hóa giữa hai bên là có thật, chứ Posco VST không kiện và không tranh chấp đối với các hợp đồng cụ thể này, Posco VST cũng không xác định được số tiền đã thanh toán và số tiền còn nợ của từng hợp đồng là bao nhiêu. Bởi vì, trong quá trình thực hiện mua bán, do số lượng hàng và giá trị giao dịch rất lớn nên việc thanh toán giữa hai bên được thực hiện theo phương thức cộng dồn mà không phải theo từng Hợp đồng đã ký kết. Tức là sau một khoảng thời gian đặt và giao hàng nhất định bằng việc ký kết các Hợp đồng mua bán, hai bên tiến hành đối chiếu và xác định giá trị công nợ giữa hai bên theo giá trị thực tế giao dịch. Nghĩa vụ thanh toán của Công ty Thành Nam được xác định theo kết quả mỗi lần đối chiếu công nợ này. Việc đối chiếu công nợ theo Biên bản ngày 27/11/2013 dựa trên 2 biên bản đối chiếu công nợ gồm biên bản đối chiếu công nợ ngày 03/6/2013 và biên bản ngày 04/7/2013. Sau 02 biên bản trên thì Công ty Thành Nam đã thanh toán được một số nợ, phần còn lại chưa thanh toán được chốt lại tại biên bản chốt nợ ngày 27/11/2013. Như vậy, việc thanh toán bằng tập quán thương mại giữa hai bên chứ hai bên không có văn bản thỏa thuận phương thức thanh toán để xuất trình cho Tòa án.

Ngoài khoản tiền gốc, Posco VST đề nghị Tòa án buộc Công ty Thành Nam phải thanh toán khoản tiền lãi do chậm thanh toán kể từ ngày 28/11/2013 cho đến ngày nộp đơn khởi kiện theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định (9%/năm).

Ngày 30/8/2018, Posco VST có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện: ngoài khoản tiền gốc, Posco VST đề nghị Tòa án buộc Công ty Thành Nam thanh toán cho Posco VST số tiền lãi phát sinh từ khoản nợ tiền hàng 58.066.571.730 đồng với lãi suất mà pháp luật quy định tính từ ngày 28/11/2013 đến ngày Công ty Thành Nam thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo quy định của pháp luật (Điều 306 Luật thương mại 2005).

Bị đơn là Công ty cổ phần tập đoàn Thành Nam (do người đại diện) trình bày:

Từ năm 2006 đến năm 2013, Công ty Thành Nam và Posco VST có quan hệ mua bán hàng hóa là thép không gỉ như Posco VST đã trình bày. Giao dịch mua bán hàng hóa dựa trên hợp đồng mua bán hàng hóa hai bên ký kết với nhau và được Công ty Thành Nam tuân thủ theo đúng các điều khoản hai bên ký kết tại Hợp đồng, các bên không có tranh chấp về chất lượng hàng hóa, giá cả, thời hạn thanh toán,... Toàn bộ các Hợp đồng mua bán được ký độc lập theo từng đơn hàng với thời gian giao hàng và điều kiện thanh toán quy định cụ thể cho từng hợp đồng. Từ năm 2006 đến nay, hai bên chưa bao giờ có thỏa thuận phương thức thanh toán "cộng dồn" trong bất cứ hợp đồng mua bán hàng hóa nào, tại biên bản đối chất ngày 20/1/2016 (BL 164) Posco VST đã phải thừa nhận "về việc căn cứ thanh toán là Biên bản đối chiếu công nợ thì giữa hai bên không có văn bản thỏa thuận về vấn đề này".

Thực tế mua bán hàng hóa và theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên từ năm 2006 đến nay đều thực hiện theo một mẫu chung thống nhất và đều không có nội dung "xác định công nợ theo phương thức cộng dồn", Công ty Thành Nam sẽ đặt cọc 10% giá trị hợp đồng để Posco VST sản xuất hàng hóa. Trước khi lấy hàng Công ty Thành Nam sẽ thanh toán toàn bộ hoặc làm thủ tục bảo lãnh thanh toán sau đó Posco VST tiến hành giao hàng cho Công ty Thành Nam. Quy trình thanh toán giữa hai bên đều thể hiện trên cơ sở hợp đồng đã ký kết với cùng một mẫu chung duy nhất tại Điều 3 của hợp đồng.

Trình tự thực hiện giao dịch mua bán giữa hai bên: ký hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai bên; Công ty Thành Nam đặt cọc 10% giá trị hợp đồng; Posco VST sản xuất hàng hóa và gửi danh sách trọng lượng cho khách hàng; Công ty Thành Nam gửi kế hoạch lấy hàng; Posco VST tiến hành xuất hóa đơn VAT; Công ty Thành Nam thanh toán hoặc bảo lãnh thanh toán; Posco VST giao hàng. Như vậy, có thể thấy rằng Posco VST không bao giờ cho Công ty Thành Nam nợ tiền hàng. Việc xuất hóa đơn của Posco VST luôn thực hiện sau khi sản xuất xong hàng và khi Công ty Thành Nam thanh toán xong hoặc có bảo lãnh ngân hàng thì Posco VST mới giao hàng hóa. Rõ ràng việc Posco VST xuất hóa đơn không đồng nghĩa với việc Posco VST đã giao hàng và Công ty Thành Nam đã nhận hàng.

Công ty Thành Nam khẳng định giữa Công ty Thành Nam và Posco VST không có mối quan hệ vay nợ mà chỉ có mối quan hệ mua bán hàng hóa. Thực tế, hai bên đã ký kết rất nhiều các hợp đồng mua bán hàng hóa và số lượng hàng Công ty Thành Nam đã mua là rất lớn. Hai bên chưa ký với nhau các biên bản thanh lý hợp đồng. Ngoài ra, Công ty Thành Nam đã tuân thủ đúng cam kết tại điều khoản thanh toán của toàn bộ các hợp đồng nên việc Posco VST khởi kiện thì phải đưa ra chứng cứ chứng minh cụ thể như Hợp đồng mua bán nào vẫn còn nợ tiền hàng? Số lượng hàng hóa thể hiện tại Hợp đồng? Số lượng hàng thực tế đã

giao và số tiền còn nợ lại của những hợp đồng mua bán trên? Nếu không căn cứ vào từng hợp đồng mua bán hàng hóa cụ thể cũng như không xác định rõ người mua đã nhận được hàng hóa hay chưa (khi nào nhận, địa điểm nhận hàng, người giao nhận hàng, số lượng hàng, quy cách và chủng loại hàng hóa...) thì lấy số liệu nào để cộng dồn theo như Posco VST đã trình bày. Mặt khác nếu không căn cứ vào từng hợp đồng cụ thể để xác định số lượng hàng hóa thực tế đã giao nhận là bao nhiêu thì việc cộng dồn khoản nợ có đảm bảo căn cứ pháp lý không?

Vì trái với sự thật khách quan và trái với tập quán thương mại cũng như quy định của pháp luật nên lời khai của Posco VST cũng mâu thuẫn với nhau. Tại BL 165 đại diện ủy quyền của Posco VST khai ngày 18/1/2016: Theo các hợp đồng mua bán hàng hóa thì hai bên thỏa thuận nguyên đơn đồng ý bán và bị đơn đồng ý mua lượng hàng hóa theo thể hiện tại từng hợp đồng cụ thể. Thế nhưng sau này Posco VST lại đưa ra ý kiến ngược lại (BL 198 - Hồ sơ đình chỉ năm 2015): Thực tế thanh toán giữa các bên là thông qua các lần đối chiếu công nợ nên việc cung cấp các hợp đồng mua bán hàng hóa, hóa đơn, chứng từ liên quan đến việc mua bán hàng hóa giữa hai bên cũng như các chứng từ chứng minh Thành Nam còn nợ tiền hàng từ các hợp đồng này là không cần thiết. Ngày 05/5/2015, Posco VST có Văn bản số 08/POSCO VST khẳng định: Do số lượng hợp đồng và giá trị giao dịch rất lớn, nên việc thanh toán giữa Thành Nam và Posco được hai bên thống nhất thực hiện theo phương thức cộng dồn mà không phải theo từng hợp đồng đã ký kết. Tại BL 199, Posco VST khai tiếp: Do số lượng hợp đồng rất lớn nên thực tế việc thanh toán giữa hai bên được thực hiện không theo từng hợp đồng mà theo các biên bản đối chiếu công nợ được ký kết giữa các bên.

Như vậy, Posco VST vừa khẳng định giữa hai bên ký nhiều hợp đồng mua bán thép cụ thể khác nhau, đó là cam kết pháp lý ràng buộc trách nhiệm hai bên lại vừa khẳng định không cần thiết phải căn cứ vào các hợp đồng cụ thể này để xác định công nợ là điều rất mâu thuẫn và vô lý.

Về việc Posco VST cho rằng Công ty Thành Nam không thanh toán đầy đủ tiền hàng thì Posco VST phải đưa ra các chứng cứ cụ thể như biên bản giao nhận hàng hóa có xác nhận của Công ty Thành Nam về việc nhận hàng. Bởi thực tế trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2013 do áp lực về doanh số bán hàng nên Posco VST đã xuất rất nhiều hóa đơn VAT với tổng giá trị lớn (có những thời điểm lên tới hơn 100 tỷ đồng) cho phía Công ty Thành Nam, mặc dù Posco VST chưa thực hiện nghĩa vụ giao hàng và thực tế Công ty Thành Nam không được nhận hàng. Posco VST cũng đã thừa nhận cơ sở để xác định khoản nợ này là không có căn cứ pháp lý vì không dựa trên thực tế khách quan của mỗi hợp đồng, không dựa trên số liệu giao nhận hàng hóa một cách xác thực theo Biên bản giao nhận hàng hóa trong từng hợp đồng cụ thể giữa hai bên. Đại diện

theo pháp luật của Posco VST cũng đã phải thừa nhận (BL 94 - Hồ sơ đình chỉ năm 2015): Không thể xác định và nêu rõ đối tượng khởi kiện cụ thể là những hợp đồng nào cũng như số tiền còn nợ của từng hợp đồng mua bán. Điều này đồng nghĩa với việc Posco VST đã gián tiếp thừa nhận khoản nợ hơn 58 tỷ đồng mà Posco VST đòi là hoàn toàn không có thật, không đảm bảo căn cứ pháp luật. Chính vì vậy, Công ty Thành Nam không công nhận khoản nợ như Posco VST khai vì đây không phải là con số thực tế hàng hóa mà Công ty Thành Nam được nhận nên đề nghị quý Tòa bác bỏ, không công nhận khoản nợ không có thật này.

Công ty Thành Nam đã có văn bản phản hồi không chấp nhận khoản nợ thể hiện tại Biên bản chốt nợ ngày 27/11/2013, như Công văn số 85 ngày 05/5/2015; Công văn số 151 ngày 03/9/2015 gửi Posco VST. Tại biên bản làm việc ngày 27/11/2013, đã thể hiện thành phần của hai bên đối chiếu công nợ, về phía Posco VST là ông Trương Quang Hùng, chức vụ: kế toán trưởng và Trang Trọng Hiền, chức vụ: bộ phận kinh doanh; về phía Công ty Thành Nam có Trịnh Tú Anh và Nguyễn Thị Liên, tại biên bản này không có con dấu của Posco VST và Công ty Thành Nam. Trong biên bản đối chiếu này có ghi rõ số liệu của hai bên theo các mục: nợ phải trả theo hóa đơn bán hàng, hàng Thành Nam còn gửi tại kho của Posco, tổng số tiền Thành Nam còn phải trả theo hàng thực tế đã giao. Cuối biên bản, hai bên thống nhất: số liệu hai bên, Công ty Posco và Công ty Thành Nam sau khi đối chiếu chênh lệch 1.646.086 đồng (số liệu này sẽ được kiểm tra sau). Đây chỉ là việc thống kê đơn giản một công đoạn là hóa đơn bán hàng, hóa đơn này chưa rõ có được các bên giao nhận hàng hóa không, giao nhận có đúng nội dung hóa đơn ghi không?... đều là những nội dung thuộc thẩm quyền của người đại diện theo pháp luật nên các bên ghi dòng chữ (số liệu này sẽ được kiểm tra sau). Do vậy đây chỉ là tài liệu mang tính chất thông tin tham khảo, không thể coi là bản đối chiếu công nợ giữa hai bên, không thể coi là Thành Nam đã nhận nợ khoản tiền này, nên việc Posco VST coi đây là khoản nợ và khởi kiện Công ty Thành Nam ra Tòa để đòi hơn 58 tỷ đồng là vô lý.

Ngoài ra, như đã trình bày thì quá trình mua bán hàng hóa có nhiều lần Posco VST tự chủ động xuất hóa đơn nhưng chưa giao hàng và Posco VST vẫn tính nợ đối với Công ty Thành Nam. Do phương pháp tính nợ không đúng khiến số tiền nợ tăng lên rất nhiều. Chính vì vậy, Công ty Thành Nam không chấp nhận số tiền nợ Posco VST nêu ra. Để xác định chính xác khoản nợ thì phải dựa trên các Hợp đồng mua bán, biên bản giao nhận hàng hóa xem khoản tiền còn nợ từ các Hợp đồng mua bán là bao nhiêu. Không thể yêu cầu bên mua phải thanh toán tiền hàng đối với hàng hóa mà bên mua không được nhận. Số tiền hơn 58 tỷ mà Posco VST yêu cầu Công ty Thành Nam thanh toán về mặt bản chất chỉ là số tiền tính toán theo hóa đơn mà Posco VST đã xuất cho Công ty Thành Nam để Posco VST ghi nhận doanh thu bán hàng theo hóa đơn, hàng hóa

chưa chuyển giao nên công nợ thực tế chưa thể hình thành. Công nợ mà Posco VST đòi Công ty Thành Nam thực chất chỉ là con số ảo (dựa theo hóa đơn bán hàng đã xuất) được thể hiện rõ theo các hóa đơn VAT mà bị đơn đã xuất trả Posco VST, cụ thể: Hóa đơn GTGT số 0002065, 0002066 ngày 27/12/2013, số 0002038 ngày 19/12/2013, số 0002056 ngày 26/12/2013, số 0001096 ngày 05/11/2013, số 0000727 ngày 19/12/2012 với tổng số tiền là 109.455.264.494 đồng. Việc thanh toán giữa hai bên dựa trên hợp đồng mua bán hàng hóa đã ký kết. Công ty Thành Nam và Posco VST không hề có bất kỳ văn bản thỏa thuận hay thông lệ nào khác thể hiện việc thanh toán bằng hình thức cộng dồn theo từng biên bản đối chiếu công nợ trong đơn khởi kiện Posco VST trình bày.

Chứng cứ Posco VST đưa ra chưa đủ căn cứ để khởi kiện đòi nợ vì các lý do sau: Biên bản đối chiếu công nợ được ký bởi bà Đỗ Thị Thanh Hương là không có cơ sở pháp lý. Vì bà Hương chỉ là kế toán trưởng, không phải đại diện theo pháp luật của Công ty Thành Nam. Thời điểm đó ông Nguyễn Hùng Cường là người đại diện theo pháp luật không hề ủy quyền cho bà Hương xác nhận công nợ với Posco VST. Công ty Thành Nam không công nhận tính pháp lý của biên bản đối chiếu công nợ này. Biên bản đối chiếu công nợ về nguyên tắc phải được thực hiện chi tiết dựa trên từng Hợp đồng kinh tế, hóa đơn bán hàng và biên bản giao hàng. Thực tế Công ty Thành Nam đã nhiều lần yêu cầu Posco VST cử người có thẩm quyền tiến hành đối chiếu công nợ tuy nhiên Posco VST không có phản hồi.

Về Công văn số 940 ngày 11/12/2013 gửi Posco VST do ông Nguyễn Hùng Cường là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Thành Nam ký, đây không phải là văn bản để xác nhận công nợ, không phải là căn cứ pháp lý để buộc Công ty Thành Nam phải thanh toán nợ cho Posco VST. Đến nay hai bên cũng không có văn bản đối chiếu công nợ nào khác theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với 02 Biên bản đối chiếu công nợ tháng 6 và tháng 7 năm 2013 do Posco VST đưa ra, thì Posco VST cũng nói rằng đây là tài liệu tham khảo, không phải là căn cứ để đòi tiền Công ty Thành Nam theo yêu cầu khởi kiện.

Cho đến nay không thể khẳng định là Công ty Thành Nam còn nợ tiền hàng của Posco VST. Công ty Thành Nam khẳng định giữa hai bên không có văn bản thỏa thuận nào về căn cứ thanh toán là các biên bản đối chiếu công nợ như Posco VST trình bày. Đề nghị Tòa án xem xét toàn bộ những chứng cứ, tình tiết và xác minh tính chính xác, hợp lý về yêu cầu khởi kiện của Posco VST để đưa ra được phán quyết cuối cùng công tâm, công minh và công bằng nhất để đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của chúng tôi trong vụ án tranh chấp phát sinh đã kéo dài gần 04 năm qua.

Sau khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Công ty Thành Nam và luật sư của Công ty Thành Nam đề nghị Tòa án xem xét áp dụng Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 91/2014/KDTM-PT ngày 04/12/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xét xử do nội dung tranh chấp giống nhau để giải quyết trong vụ án này; tiến hành đối chất giữa nguyên đơn và bị đơn để làm rõ những nội dung mâu thuẫn theo quy định tại Điều 100 Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể như sau:

- Posco VST có yêu cầu Công ty Thành Nam chấp nhận việc Posco VST xuất quá nhiều hóa đơn vào cuối tháng với số lượng thép rất lớn để đảm bảo lãg doanh số cho Posco VST không?

- Có hay không việc Posco VST bị mất một lượng hàng hóa bởi chính các nhân sự của Posco VST do đó phía Posco VST tìm cách dàn dựng số liệu, công nợ với Công ty Thành Nam nhằm hợp thức hóa trị giá hàng mất kể trên, đồng thời đạt được mục đích gian lận thương mại chiếm đoạt tài sản của Công ty Thành Nam?

- Các nội dung vô lý, không có thật hoặc trái pháp luật như đã mô tả, phân tích ở trên?

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 05/01/2018, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 49/2016/TLST-KDTM ngày 01/12/2016 về việc "*Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng mua bán hàng hóa*" giữa Công ty TNHH Posco VST với Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Nam do hết thời hiệu khởi kiện.

Sau đó, nguyên đơn đã kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 70/2018/KDTM-PT ngày 29/05/2018, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2018/KDTM-ST ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội giải quyết lại theo thủ tục chung.

Ngày 15/06/2018, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã có quyết định số 1267/QĐ-TKT quyết định rút hồ sơ vụ án lên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, và ngày 12/07/2018, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã thụ lý vụ án số 19/2018/KTST.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 32/2018/KDTM-ST ngày 10/10/2018, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 292, Điều 306 Luật Thương mại 2005; điểm khoản 1 Điều 302, khoản 1 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005, khoản 1 Điều 351, khoản 1 Điều 358, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Luật Kế toán năm 2003; Luật chứng khoán năm 2006; Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Posco VST đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam.

Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam phải thanh toán cho Công ty TNHH Posco VST số tiền nợ gốc theo biên bản chốt công nợ ngày 27/11/2013 là 58.066.571.730 (Năm tám tỷ không trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi một nghìn bảy trăm ba mươi) đồng; số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 42.356.780.000 (Bốn mươi hai tỷ ba trăm năm mươi sáu triệu bảy tám mươi nghìn) đồng. Tổng cộng là 100.423.351.730 (Một trăm bốn trăm hai mươi ba triệu ba trăm năm mươi một nghìn bảy trăm ba mươi) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/10/2019, Công ty Thành Nam có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, sau khi kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, người đại diện theo pháp luật, những người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là Công ty Thành Nam đều tự ý rời khỏi phòng xử án, không tham gia phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp và những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu về việc chấp hành pháp luật về tố tụng dân sự của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người đại diện hợp pháp và những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm như sau: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án đã thu thập thì có cơ sở để xác định giữa Công ty Posco VST và Công ty Thành Nam xác lập và thực hiện nhiều hợp đồng mua bán hàng hóa là thép không gỉ, Công ty Thành Nam còn nợ Công ty Posco VST tiền hàng là 58.066.571.730 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Posco

VST buộc Công ty Thành Nam phải thanh toán số nợ gốc và nợ lãi theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại, là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty Thành Nam, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Posco VST trình bày: Hoàn toàn đồng ý với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Công ty TNHH Posco VST là doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam có 100% vốn nước ngoài; Công ty cổ phần tập đoàn Thành Nam là doanh nghiệp Việt Nam. Trong các hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Posco VST và Công ty Thành Nam đều thể hiện hai bên có thỏa thuận nếu xảy ra tranh chấp thì sẽ khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, nhưng thỏa thuận này là không đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, vì tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các doanh nghiệp đều được thành lập tại Việt Nam theo pháp luật của Việt Nam (không có yếu tố nước ngoài) thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Khi xảy ra tranh chấp, Posco VST đã lựa chọn Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội là nơi bị đơn có trụ sở (Công ty Thành Nam có trụ sở tại tầng 3, Tòa nhà FLC Landmark Tower, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm) giải quyết tranh chấp là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 15/06/2018, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã có quyết định số 1267/QĐ-TKT quyết định rút hồ sơ vụ án để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 2 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ngày 19/10/2019, Công ty Thành Nam có đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 272, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, sau khi Chủ tọa phiên tòa tiến hành xong việc kiểm tra căn cước lý lịch, phổ biến, giải thích quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, ông Nguyễn Hùng Cường là người đại diện theo pháp luật của bị đơn là Công ty Thành Nam đề nghị hoãn phiên tòa để tiến hành giám định chữ ký của ông Nguyễn Ngọc Trung (là nhân viên và là người nhận hàng cho Công ty Thành Nam) trong các phiếu xuất kho của Posco VST, trên cơ sở đó xác định chính xác việc giao hàng của Posco VST.

cho Công ty Thành Nam, và từ đó, xác định số tiền hàng mà Công ty Thành Nam còn nợ Posco VST. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (từ năm 2015), Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và từ khi Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay (trước phiên tòa phúc thẩm này, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã 03 lần mở phiên tòa nhưng đều phải hoãn phiên tòa, trong đó phiên tòa lần thứ nhất phải hoãn phiên tòa do vắng mặt phía nguyên đơn và 02 phiên tòa tiếp theo phải hoãn phiên tòa do vắng mặt phía bị đơn) thì phía bị đơn đều không có yêu cầu về việc giám định nêu trên và thấy rằng yêu cầu này chưa có cơ sở, nên Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận đề nghị của người đại diện theo pháp luật của bị đơn, tiếp tục tiến hành xét xử, đề nghị này sẽ tiếp tục được xem xét trong quá trình xét xử, nếu có cơ sở Hội đồng xét xử sẽ giải quyết theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi đề nghị nêu trên không được chấp nhận, người đại diện theo pháp luật, những người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty Thành Nam đều tự ý rời khỏi phòng xử án, không tham gia phiên tòa. Việc những người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tự ý rời khỏi phòng xử án là tự từ bỏ quyền, không thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm và việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục tiến hành xét xử.

- Về nội dung:

[4] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Posco VST là nhà cung cấp thép không gỉ cho Công ty Thành Nam trên cơ sở hai bên ký kết với nhau nhiều hợp đồng mua bán hàng hóa từ năm 2006 đến 2013. Posco VST và Công ty Thành Nam cũng đều thừa nhận đã ký với nhau rất nhiều hợp đồng, các hợp đồng mua bán hàng hóa đều do những người có thẩm quyền ký kết đều có nội dung như các hợp đồng mà Posco VST đã xuất trình khi khởi kiện.

[5] Nội dung cơ bản của hợp đồng giữa hai bên như sau:

[5.1] Hàng hóa, số lượng và giá trị hợp đồng: Loại hàng hóa mua bán là thép không gỉ, số lượng hàng hóa mua bán, đơn giá và tổng giá trị hợp đồng;

[5.2] Giao nhận: Hàng được giao tại kho của bên mua bằng phương tiện của bên bán, theo thời gian cụ thể thỏa thuận trong hợp đồng, có thể giao tổng khối lượng hàng hóa mà bên mua đã đặt hàng hoặc giao từng phần;

[5.3] Thanh toán: Bên mua đặt cọc trước bằng chuyển khoản 10% giá trị đơn hàng trong vòng 10 ngày sau khi ký hợp đồng. Bên bán sẽ thông báo cho bên mua khi hoàn tất sản xuất và gửi cho bên mua danh sách, trọng lượng hàng. Dựa vào danh sách, trọng lượng hàng, bên mua sẽ gửi kế hoạch lấy hàng cho

bên bán và bên bán sẽ xuất hóa đơn VAT. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn VAT, bên mua phải gửi bản gốc chứng thư bảo lãnh ngân hàng cho giá trị hàng sẽ nhận trước khi giao hàng; chứng thư bảo lãnh có hiệu lực trong 30 ngày kể từ ngày giao hàng. Bên mua chỉ có quyền sở hữu hàng hóa khi bên bán đã giao hàng sau khi đã nhận được thanh toán thực tế;

[5.4] Về trách nhiệm của các bên: Hai bên thỏa thuận về việc giao hàng đúng chủng loại, quy cách, số lượng ghi trong hợp đồng và thời gian bên mua yêu cầu. Xuất hóa đơn tài chính, hóa đơn VAT và danh sách đóng gói cho bên mua theo đúng quy cách và số lượng trong hợp đồng. Thanh quyết toán theo hợp đồng đúng thời hạn và phương thức quy định trong hợp đồng. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

[5.5] Hợp đồng có hiệu lực bắt đầu từ ngày ký kết. Hiệu lực của hợp đồng được xem như đã chấm dứt trong vòng 07 ngày nếu hai bên không có bất kỳ tranh chấp gì sau khi bên mua đã nhận hàng và hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.

[6] Quy trình thực hiện hợp đồng của hai bên được thể hiện như sau:

[6.1] Về thanh toán tiền đặt cọc: Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty Thành Nam thanh toán tiền đặt cọc tương đương 10% giá trị hợp đồng cho Posco VST.

[6.2] Về sản xuất hàng hóa: Posco VST sản xuất hàng hóa theo đơn đặt hàng của Công ty Thành Nam. Sau khi sản xuất xong, khối lượng hàng chính xác sẽ được Posco VST thông báo chính thức đến Công ty Thành Nam.

[6.3] Về xuất hóa đơn VAT: Posco VST xuất hóa đơn VAT cho Công ty Thành Nam dựa trên khối lượng hàng hóa chính xác đã được sản xuất được Posco VST và Công ty Thành Nam xác nhận. Công ty Thành Nam gửi các yêu cầu lấy hàng đến Posco VST theo từng đợt.

[6.4] Về mở thư bảo lãnh và giao hàng: Sau khi Công ty Thành Nam gửi yêu cầu lấy hàng, ngân hàng của Công ty Thành Nam (ngân hàng bảo lãnh cho Công ty Thành Nam) mở thư bảo lãnh theo yêu cầu lấy hàng của Công ty Thành Nam đã gửi Posco VST. Các thư bảo lãnh này có hiệu lực trong vòng 30 - 35 ngày kể từ ngày giao hàng hoặc ngày mở thư bảo lãnh cho số hàng hóa dự định sẽ lấy từ Posco VST và sẽ không được ngân hàng gia hạn bởi bất kỳ lý do nào. Sau đó, Posco VST giao hàng cho Công ty Thành Nam.

[6.5] Thanh toán tiền hàng: Trong trường hợp có thư bảo lãnh, Ngân hàng phát hành thư bảo lãnh thanh toán tiền hàng cho Posco VST. Trong trường hợp giao hàng không có bảo lãnh thì Công ty Thành Nam thực hiện việc thanh toán.

[7] Posco VST cho rằng lượng hàng hóa trao đổi giữa hai bên rất lớn và rất nhiều lần, Posco VST đã xuất hóa đơn cho từng lô hàng. Việc giao hàng và thanh toán cho Công ty Thành Nam được thực hiện liên tục trong nhiều năm.

Việc nhận hàng và thanh toán của Công ty Thành Nam được thực hiện không theo từng lần giao hàng hoặc theo hợp đồng cụ thể mà thanh toán theo cách hoặc chuyển khoản, hoặc bảo lãnh ngân hàng. Trường hợp do chậm lấy hàng dẫn đến bảo lãnh quá hạn Công ty Thành Nam thanh toán sau dẫn đến việc xác định khoản nợ theo phương thức cộng dồn và thực tế Công ty Thành Nam cũng thanh toán cho Posco VST theo phương thức này. Phần hàng hóa không lấy hoặc trả lại sau khi hai bên đối chiếu bị đơn đã xuất hóa đơn trả lại nên chỉ còn tồn tại khoản nợ của số hàng đã lấy mà chưa thanh toán.

[8] Công ty Thành Nam thừa nhận giữa hai bên có mua bán giao nhận hàng hóa với nhau nhiều lần, nhưng cho rằng Công ty Thành Nam đều thực hiện thanh toán đầy đủ trước khi nhận hàng thông qua các hình thức đặt cọc trước hoặc bảo lãnh ngân hàng. Số hóa đơn mà Posco VST xuất là cho toàn bộ lô hàng mà không phải số hàng hóa đã thực giao. Quá trình thực hiện hợp đồng phía Posco VST do sức ép doanh số mà xuất hóa đơn với số lượng hàng rất lớn thể hiện ví dụ trong vòng một ngày xuất hơn 60 hóa đơn hàng hóa là biểu hiện bất thường không phản ánh thực tế giao nhận hàng hóa giữa hai bên. Các văn bản đối chiếu công nợ không do người có thẩm quyền hoặc ủy quyền hợp lệ của Công ty Thành Nam lập và chỉ là nghiệp vụ kế toán nên không có giá trị xác định khoản nợ. Văn bản xác nhận công nợ do Tổng giám đốc và là người đại diện theo pháp luật ký vào các năm 2013, 2014 chỉ để xác định trách nhiệm nhằm tiếp tục lấy hàng. Posco VST muốn đòi nợ phải xuất trình toàn bộ chứng từ giao hàng cho Công ty Thành Nam và xác định khoản nợ của từng hợp đồng thì Công ty Thành Nam sẵn sàng trả nợ.

[9] Trong quá trình giải quyết vụ án, Posco VST và Công ty Thành Nam đều xác nhận đã ký rất nhiều hợp đồng, các hợp đồng mua bán được ký độc lập theo từng đơn hàng và điều kiện thanh toán quy định cụ thể, số lượng hàng Công ty Thành Nam đã mua là rất lớn, hai bên chưa ký với nhau biên bản thanh lý hợp đồng. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Từ năm 2010 đến năm 2013, Posco VST đã bán cho Công ty Thành Nam tổng giá trị hàng hóa lên đến 1.075.928.239.357 đồng (qua 759 hóa đơn VAT). Công ty Thành Nam đã thanh toán tổng cộng 277 lần với tổng giá trị 908.237.400.279 đồng (qua 277 giấy báo có ngân hàng xác minh việc thanh toán). Trong khoảng thời gian từ ngày 01/6/2013 đến 30/6/2013, Công ty Thành Nam đã thanh toán với tổng giá trị là 7.345.610.913 đồng, trong số những lần thanh toán đó, có 06 chứng từ thanh toán Công ty Thành Nam không thể hiện cụ thể thanh toán cho hợp đồng nào mà chỉ ghi tại phần nội dung thanh toán là: Thanh toán tiền hàng cho Posco VST (chứng từ thanh toán ngày 11/6/2013) hoặc thanh toán tiền hàng (chứng từ thanh toán ngày 12/6/2013) hoặc là Công ty Thành Nam thanh toán tiền hàng (chứng từ thanh toán ngày 18/6/2013, ngày 20/6/2013, ngày

27/6/2013, ngày 28/6/2013). Trong 05 chứng từ thanh toán còn lại nội dung thanh toán lại là thanh toán theo các hóa đơn cụ thể (chứng từ thanh toán ngày 07/6/2013, 11/6/2013, 12/6/2013, 13/6/2013 và 14/6/2013). Như vậy, thực tế thanh toán giữa Posco VST và Công ty Thành Nam thể hiện việc các bên thanh toán cho số hàng mà Posco VST đã bán và Công ty Thành Nam đã mua từ nhiều hợp đồng khác nhau, không phải khi thanh toán chỉ thanh toán cho những hợp đồng cụ thể.

[10] Mặt khác, theo quy định của Luật Kế toán và các quy định của pháp luật về thuế và hoá đơn giá trị gia tăng thì hoá đơn được xuất kèm theo hàng hoá khi giao nhận. Theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn hàng hóa, cung ứng dịch vụ và Điều 18 Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính về hóa đơn mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thì đối với hoá đơn đã xuất nếu xảy ra trường hợp không lấy hàng, không giao hàng, trả hàng ... thì các bên có nghĩa vụ xuất trả hoá đơn hoặc trường hợp xuất dư hoặc sai hồng các bên phải cùng nhau lập biên bản huỷ hoá đơn. Trên thực tế, những năm 2012, 2013, Công ty Thành Nam đã yêu cầu Posco VST nhận lại một số lượng hàng có tổng giá trị 109.455.264.494 đồng với 06 biên bản trả hàng và 06 hóa đơn VAT (Công ty Thành Nam xuất trả Posco VST cụ thể: Hoá đơn 0002066 ngày 27/12/2013 biên bản trả hàng cùng ngày và bảng kê chi tiết hàng trả ký hiệu BK/12T số 0002066; Hoá đơn 0002065 ngày 27/12/2013 biên bản trả hàng cùng ngày và bảng kê chi tiết hàng trả ký hiệu BK/12T, số 0002065; Hoá đơn 0002056 ngày 26/12/2013, biên bản trả hàng cùng ngày và bảng kê chi tiết hàng trả ký hiệu BK/12T số 0002056; Hoá đơn 0002038 ngày 19/12/2013, biên bản trả hàng cùng ngày và bảng kê chi tiết hàng trả ký hiệu BK/12T số 0002038; Hoá đơn 0001906 ngày 05/11/2013, biên bản trả hàng cùng ngày và bảng kê chi tiết hàng trả ký hiệu BK/12T số 0001906; Hoá đơn 0000727 ngày 19/12/2013, biên bản trả hàng cùng ngày và bảng kê chi tiết hàng trả ký hiệu BK/12T số 000001. Với tổng số tiền của các hoá đơn nêu trên bao gồm hàng chưa lấy trả lại 108.439.884.706 đồng và số hàng bị mất 1.014.798.587 đồng tổng cộng 109.578.513.194 đồng phù hợp về số liệu được nêu trong các văn bản đối chiếu và xác nhận công nợ vào các thời điểm tháng 01, tháng 6, tháng 7 và tháng 11 năm 2013). Do đó, nếu có việc Posco VST đã xuất hóa đơn nhưng Công ty Thành Nam chưa lấy hàng hoặc Posco VST xuất khống hóa đơn để tăng doanh số như Công ty Thành Nam trình bày thì Công ty Thành Nam sẽ xuất hóa đơn trả lại hàng cho Posco VST hoặc hai bên sẽ lập biên bản huỷ hoá đơn như nêu trên. Vì vậy, không có cơ sở cho rằng còn tồn tại số hoá đơn Posco VST xuất khống mà Công ty Thành Nam chưa nhận hàng như Công ty Thành Nam đã trình bày.

[11] Trước khi hai bên tiến hành đối chiếu công nợ vào ngày 27/11/2013, thì tại Biên bản xác nhận công nợ ngày 07/9/2013 có nội dung là: Dựa vào hồ sơ, sổ sách và số liệu theo dõi của Công ty Thành Nam, ông Nguyễn Hùng Cường - Tổng Giám đốc Công ty Thành Nam đã xác nhận: (i) số dư nợ phải trả cho “hàng đã lấy và hàng chưa lấy”; (ii) giá trị “tổng cộng số hàng chưa lấy tại Posco”; và (iii) nợ đối với hàng hóa mà Thành Nam đã nhận mà bảo lãnh đã quá hạn là 54.975.895.899 đồng và đề nghị Posco VST xác nhận số nợ nêu trên; văn bản này do ông Nguyễn Hùng Cường là Tổng Giám đốc Công ty Thành Nam ký. Sau khi hai bên tiến hành đối chiếu công nợ và lập Biên bản đối chiếu công nợ ngày 27/11/2013 thì tại Công văn 940/KTTC-TN ngày 11/12/2013, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm người đại diện theo pháp luật của Công ty Thành Nam là ông Cường khẳng định “Sau khi đối chiếu công nợ giữa Công ty Thành Nam và Posco VST ngày 27/11/2013... thì Công ty Thành Nam phải thanh toán cho Posco VST cho số hàng đã lấy đến thời điểm hiện tại là 58.066.571.730 đồng” và đề xuất kế hoạch thanh toán cụ thể cho số nợ nêu trên. Sau đó, do không thực hiện được việc trả nợ theo lộ trình đã đề xuất tại Công văn 940/KTTC-TN ngày 11/12/2013, Công ty Thành Nam có Công văn số 0014/KTTC-TN ngày 11/02/2014 gửi Posco VST xin gia hạn kế hoạch thanh toán cho khoản tiền 10.000.000.000 đồng mà Công ty Thành Nam đã cam kết tại Công văn 940 nêu trên là sẽ thanh toán trong Quý I/2014, Công văn này cũng do ông Cường (là Tổng Giám đốc Công ty Thành Nam) ký. Do vậy, có cơ sở để khẳng định Biên bản đối chiếu công nợ ngày 27/11/2013 là trên cơ sở hai bên tiến hành đối chiếu công nợ nhiều lần để đi đến con số thống nhất, việc đối chiếu được thực hiện thông qua các bước của bộ phận kế toán hai bên, đối chiếu công nợ giữa kế toán trưởng của hai bên sau đó mới đến sự xác nhận khoản nợ tiền mua hàng là 58.066.571.730 đồng của người đại diện theo pháp luật Công ty Thành Nam thời điểm đó cũng chính là ông Cường.

[12] Mặt khác, tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm 2015 lập ngày 31/3/2016 của bị đơn thể hiện Mục 14 trang 23 của Báo cáo có ghi rõ “Các khoản phải trả người bán ngắn hạn: Posco VST Co., Ltd: 58.199.872.598 đồng” (Báo cáo này do Ủy ban chứng khoán Nhà Nước cung cấp cho Tòa án). Báo cáo này thể hiện khoản nợ nêu trên có ở phần số liệu đầu kỳ nhưng phần cuối năm lại không có thể hiện, nhưng phần diễn giải báo cáo tài chính tại trang mục các đơn vị có giao dịch tài chính trong năm với Công ty Thành Nam có rất nhiều đơn vị nhưng không có Posco VST và báo cáo không diễn giải số nợ của Posco VST nêu trên được hạch toán vào mục nào. Theo Công văn số 4612/UBCK-TT ngày 14/07/2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước thì “Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Nam phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 và 2015 đã công bố”. Như vậy, Công ty Thành Nam đã thừa nhận có khoản nợ đối với Posco VST trong báo cáo

tài chính gửi cơ quan quản lý Nhà nước về chứng khoán và công bố công khai trên thị trường chứng khoán với số tiền nợ hoàn toàn phù hợp với số tiền mà Posco VST đã khởi kiện.

[13] Như vậy, có đủ cơ sở để xác định Công ty Thành Nam còn nợ Posco VST số tiền mua hàng hóa là 58.066.571.730 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty Thành Nam phải trả Posco VST số tiền mua hàng chưa thanh toán là 58.066.571.730 đồng và tiền lãi chậm thanh toán của số tiền này theo lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại từ ngày 28/11/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/10/2018) là 1.775 ngày, cụ thể: $15\% (\text{lãi suất})/365 \text{ ngày} \times 1775 \text{ ngày} \times 58.066.571.730 \text{ đồng} = 42.356.780.000 \text{ đồng}$, là có căn cứ.

[14] Vì vậy, đề nghị của ông Nguyễn Hùng Cường là người đại diện theo pháp luật của Công ty Thành Nam về việc hoãn phiên tòa để tiến hành giám định chữ ký của ông Nguyễn Ngọc Trung (là nhân viên và là người nhận hàng cho Công ty Thành Nam) trong các phiếu xuất kho của Posco VST, trên cơ sở đó xác định chính xác việc giao hàng của Posco VST cho Công ty Thành Nam, và từ đó, xác định số tiền hàng mà Công ty Thành Nam còn nợ Posco VST, là không có cơ sở để chấp nhận.

[15] Tại phiên tòa phúc thẩm, không có tình tiết gì mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Công ty Thành Nam, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Vì vậy, lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Posco VST là có cơ sở nên được chấp nhận.

[16] Do không được chấp nhận kháng cáo nên Công ty Thành Nam phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty cổ phần tập đoàn Thành Nam, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại số 32/2018/KDTM-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty cổ phần tập đoàn Thành Nam phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, trừ với số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc

thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006035 ngày 23/10/2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, xác nhận Công ty cổ phần tập đoàn Thành Nam đã nộp xong án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: P.HC1P-VI; Hồ sơ vụ án.

